

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 9 - 2020
V/v: Tranh chấp về ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Tuyền.

2. Bà Nguyễn Thị Như Kiều - Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Triệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2020/TLST-HN&GD, ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Vào năm 2012, giữa chị Nguyễn Thị T với bị đơn anh Nguyễn Văn T

có tổ chức đám cưới, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018, thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về tính cách và lối sống. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn. Về con chung: giữa chị T với anh T có 01 con chung tên Nguyễn Nhã T, sinh ngày 22/4/2014, hiện nay cháu Thy do chị T đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản chính đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xác nhận; Bản sao gồm: giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh con chung, giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; biên bản giao nhận văn bản tố tụng, giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện; biên bản tổng đạt, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, biên lai thu tạm ứng án phí; quyết định phân công Thẩm phán, thông báo thụ lý vụ án, biên bản sự việc, biên bản xác minh nguyên nhân tranh chấp; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 01 và 02); biên bản vắng mặt; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/7/2020; đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; biên bản phiên tòa, biên bản thảo luận, quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chấp hành không đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn T được ly hôn; về con chung, chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhã T, anh Nguyễn Văn T chưa phải cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập đến. Án phí chị T phải nộp theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

Các tình tiết, sự kiện các bên thống nhất và không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T, do anh Nguyễn Văn T có địa chỉ tại Ấp 3, xã Đ, huyện V, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp: “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; theo văn bản ngày 05/8/2020 nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 và các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 23/5/2014, giữa chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Thời điểm chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn T xác lập quan hệ vợ chồng, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vị Đông, huyện Vị Thủy thì anh chị đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay; theo biên bản xác minh ngày 12/6/2020, thì mâu thuẫn giữa anh T với chị T địa phương không rõ; anh Nguyễn Văn T với chị Nguyễn Thị T có một con chung, hiện đã theo chị Nguyễn Thị T đi làm ăn xa; như vậy, từ khi ly thân cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Nhã T, sinh ngày 22/4/2014, hiện nay do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn T, quá trình thu thập chứng cứ, cho đến phiên tòa hôm nay là một thời gian dài, mặc dù đã nhận được thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng

vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Cháu Thy là nữ, đã sống với mẹ (chị T) từ khi anh chị ly thân cho đến nay là một thời gian dài, để ổn định và duy trì sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu Thy. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Thy cho chị T nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng: Trong đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự; do đó, anh T chưa phải cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn, chị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị T khẳng định về nợ chung và tài sản chung không có, nên không đề cập đến.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án. Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“4. Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Căn cứ vào quy định của pháp luật viện dẫn trên, thì chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 4 Điều 91, khoản 1 Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 97, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: các Điều 9, 11, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhã T, sinh ngày 22/4/2014. Anh Nguyễn Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên không đề cập đến.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001023, ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Nguyễn Thị T đã nộp xong.

5. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - TAND tỉnh Hậu Giang;
 - VKSND huyện Vị Thủy;
 - Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
 - UBND xã
- (nơi Đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;
 - Công TTĐT (để công bố);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC THÀNH VIÊN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Tuyên-Nguyễn Thị Như Kiều

Phạm Văn Hùng

